TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HS-ST
Ngày 09-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Trung; Ông Tống Xuân Tú.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 đối với

Bị cáo: Nguyễn Đình H. Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 01/8/1958, tại xã N, tỉnh Hưng Yên;

CCCD số 034058004821

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Đình P (đã chết) Ông P có tham gia kháng chiến, được tặng thưởng huy chương kháng chiến Hạng nhì; Họ và tên mẹ Bùi Thị C (đã chết); Vợ: Phạm Thị C1, sinh năm 1957; Con: 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1984; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 1976 đến năm 1980 xuất ngũ trở về địa phương lao động tự do. Bị can là người có công với cách mạng (thương binh loại A); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/8/2025 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Quang N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm T4.

Bị hại: Ông Trần Đăng K, sinh năm 1956; bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1968; bà Phạm Thị C1, sinh năm 1957; ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1965; ông Bùi Xuân P1, sinh năm 1961;

ông Trần Đăng T2, sinh năm 1975; bà Trần Thị V, sinh năm 1963; ông Phạm Văn V1, sinh năm 1965 cùng cư trú tại thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971, cư trú tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; ông Nguyễn Duy V2, sinh năm 1969, trú tại thôn Bản, xã T, tỉnh Hưng Yên

(*Tại phiên tòa có mặt các bị cáo; vắng mặt bị hại và người làm chứng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo Nguyễn Đình H và ông Trần Đăng K về việc ông K có 01 máy gặt nhãn hiệu Kubota DC70 và nhận nhận gặt lúa thuê cho nhân dân trong thôn từ năm 2022, đến nay máy gặt của ông K thường xuyên bị hư hỏng nhưng ông K vẫn giữ phần không cho các chủ máy khác đến gặt lúa cho nhân dân thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên, trong đó có gia đình H làm cho việc thu hoạch lúa chậm muộn, ảnh hưởng đến mùa vụ nên H rất bức xúc. Khoảng 20 giờ ngày 24/06/2025, khi nhìn thấy ông K để chiếc máy gặt nhãn hiệu Kubota DC70 ở ruộng của gia đình nhà ông K trên cánh đồng Nàn, thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên, H đã nảy sinh ý định đốt máy gặt của ông K, mục đích để ông K mua máy mới hoặc để cho người khác đến gặt lúa cho gia đình H và nhân dân trong thôn. Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 25/06/2025, H cầm theo đèn pin màu nâu tím, dạng đèn đội đầu; 01 chai nhựa, loại chai Cocacola bên trong đựng 1,5 lít xăng và 01 chiếc bật lửa màu đỏ, một mình đi bộ từ nhà đến vị trí ông K để máy gặt. Quan sát thấy hai bên và phía sau của máy để nhiều bao tải và không có người trông coi, H dùng tay phải mở nắp chai xăng tưới hết số xăng trong chai lên các bao tải để ở nhiều vị trí trên máy gặt, ném vỏ chai lên máy gặt, dùng bật lửa mang theo bật lửa đốt máy gặt và ném luôn chiếc bật lửa vào đám cháy và đi về nhà ngủ. Khoảng 00 giờ 20 phút cùng ngày, bà Trần Thị V, ở cùng thôn phát hiện máy gặt của ông K đang cháy, bà đã gọi báo cho ông K, bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông K) biết và cùng nhau dập lửa nhưng do lửa cháy to nên đến khoảng hơn 03 giờ 00 phút cùng ngày đám cháy mới được dập tắt. Hậu quả: Các bộ phận của máy gặt gồm lồng gặt cào lúa, bộ phận động cơ, khoang máy, buồng đập, bánh dầu, bánh xích, ác quy, động cơ, ghế lái, bánh xích bằng cao su bị cháy, hư hỏng hoàn toàn; hệ thống dây điện, vỏ nhựa cháy, còn lại các chi tiết bằng kim loại, bề mặt khung thép bên ngoài máy đều ám muội đen ở 04 (bốn) mặt xung quanh và bị bong tróc sơn. Chiếc máy gặt đã bị hỏng, không có khả năng phục hồi, sửa chữa.

Sau khi sự việc xảy ra, ông K nghi ngờ chiếc máy gặt trên của ông bị người khác hủy hoại (đốt cháy) nên đã làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh T giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 25/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên kết luận: Giá trị của 01 chiếc máy gặt nhãn hiệu Kubota DC70 sản xuất năm 2018 vào thời điểm tháng 6/2025 là 160.000.000 đồng. Kết luận giám định số 809/KL- KTHS ngày 11/8/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Nguyên nhân cháy (nguồn nhiệt gây cháy), do tác động của con người - do đốt

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKSKV8 ngày 14/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên đã truy tố bị cáo H về tội "*Hủy hoại tài sản*" theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong giai đoạn điều tra, truy tố và đúng như nội dung mô tả trong bản Cáo trạng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa*: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo H, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "*Hủy hoại tài sản*"; Đề nghị áp dụng điểm b, điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

- *Trong phần tranh luận*: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người cao tuổi, có công với cách mạng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tôi đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo hưởng án treo, đảm bảo tính nhân văn và khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại cộng đồng để có cơ hội trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và còn được chứng minh bằng các tài liệu như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra lập hồi 14 giờ, ngày 26/6/2025; Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 25/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên; Kết luận giám định số 809/KL- KTHS ngày 11/8/2025 và kết luận giám định số 1324/KL- KTHS ngày 06/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H; Biên bản làm việc kiểm tra trích xuất, thu giữ dữ liệu điện tử từ hệ thống Camera; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ và Sơ đồ vị trí trích xuất camera an ninh; Biên bản nhận dạng hình ảnh thu nhận được từ camera an ninh; Biên bản giao vật đồ vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H lập. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 25/6/2025, tại cánh đồng N, thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Nguyễn Đình H, sinh năm 1958, trú tại thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên đã có hành vi đổ xăng và bật lửa đốt chiếc máy gặt Kubota DC70 trị giá 160.000.000 đồng của ông Trần Đăng K, sinh năm 1956, cư trú cùng thôn làm chiếc máy gặt trên bị hư hỏng hoàn toàn. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Hủy hoại tài sản*" theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) dùng chất nghuy hiểm về cháy, nổ hoặc thủ đoạn nghuy hiểm khác.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến

quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Xuất phát từ suy nghĩ ích kỷ, coi thường pháp luật bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy Hội đồng xét xử cần lên mức án phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; tự nguyện bồi thường thiệt hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bản thân là người cao tuổi có công với cách mạng, có bố đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Từ những nhận định nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật và xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức án đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, là người cao tuổi, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính nhân văn khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hành phạt bổ sung: Bị cáo là người cao tuổi, hiện là thương binh sống hưởng trợ cấp xã hội, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra quản lý của bị cáo 01 đèn pin là công cụ phạm tội, xét thấy chiếc đèn pin đã cũ và không còn giá trị, cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, vì vậy miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng khoản điểm b, điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

"*Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự*".

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Không đặt ra giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự*: Tịch thu để tiêu hủy 01 chiếc đèn pin

(Vật chứng và số tiền trên có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 8-Hưng Yên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên đang quản lý).

4. Về án phí: *Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.* Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự*. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQĐT, CQTHAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 8 - Hưng Yên;
- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Đức